

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 25
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh canh cá diêu hồng, bí ngòi, rau
răm, nấm bào ngư, cải dúng, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Thịt ba chỉ kho tiêu, hành lá
- Canh bầu nấu tôm khô, nấm rơm
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Cháo thịt bò, đậu xanh, hạt sen, cà
rốt, khoai lang, cải bó xôi, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	200	3,140	6,280
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0753	Bánh canh	400	2,860	11,440
9	N0799	Cá diêu hồng phi lê	500	22,680	113,400
10	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	100	6,090	6,090
11	0170	Rau răm	30	4,620	1,386
12	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
13	0716	Cải dúng (nhúng)	100	5,570	5,570
14	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	700	21,320	149,240
15	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,800	94,000
16	0426	Tôm khô	50	78,100	39,050
17	0083	Bầu	700	3,780	26,460
18	0211	Nấm rơm	100	13,130	13,130
19	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
20	0059	Đậu xanh	50	6,200	3,100
21	0122	Hạt sen tươi	50	37,170	18,585
22	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
23	0031	Khoai lang	200	4,100	8,200
24	N0779	Cải bó xôi	100	8,510	8,510
25	0646	Bánh pudding	1,000	11,800	118,000

26	0457	Sữa bột toàn phần	459.8	20,500	94,259
27	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
Tổng cộng					925,000

Tổng tiền thực phẩm	925,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	925,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	12,210,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	12,210,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan